

Vài nét về phong tục cưới hỏi ở nông thôn miền Nam Việt Nam

(Trường hợp xã Phước Thạnh, Châu Thành, Tiền Giang)

Bùi Thị Hương Trâm

1. Giới thiệu:

Kết hôn được xem là sự kiện trọng đại, không chỉ với đôi nam nữ mà còn là mối quan tâm của cả gia đình, họ hàng hai bên. Đến nay, dù bối cảnh đất nước đã có nhiều đổi mới với những chuyển biến lớn về mặt kinh tế, xã hội nhưng việc kết hôn và lập gia đình đối với người Việt vẫn có ý nghĩa hết sức quan trọng. Tuy nhiên, sự thay đổi về thời gian và không gian sống đã kéo theo những thay đổi trong hôn nhân, mà trước hết là trong việc tổ chức kết hôn. Vậy phong tục cưới hỏi ở nông thôn đã có những thay đổi ra sao? Hình thức tổ chức cưới hỏi diễn ra như thế nào? Dựa trên kết quả khảo sát của dự án nghiên cứu liên ngành “Gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi”, do Viện Xã hội học chủ trì, được tiến hành tại xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, Tiền Giang, bài viết này sẽ đi tìm hiểu sáu khía cạnh của phong tục cưới hỏi. Nghiên cứu được thực hiện năm 2005 với 300 phiếu định lượng (150 nam, 150 nữ) và 47 trường hợp định tính.

Nhìn chung, các nghiên cứu gần đây đã mô tả được sự biến đổi và bước đầu chỉ ra được những nhân tố tác động đến sự biến đổi. Để tiếp tục theo dòng nghiên cứu về phong tục cưới hỏi và những biến đổi của phong tục này, bài viết sẽ đi vào phân tích một vài nét về phong tục cưới hỏi trong sự chuyển đổi với bối cảnh cụ thể là gia đình nông thôn miền Nam Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Hình thức tổ chức cưới hỏi

Theo quan niệm dân gian, trong ba “đại sự” mà mỗi người đều phải trải qua trong cuộc đời là “tậu trâu, lấy vợ, làm nhà” thì lập gia đình được xếp vào vị trí thứ hai. Nếu đôi nam nữ kết hôn mà không tổ chức lễ cưới, không có sự chứng kiến và đồng ý tác thành của cha mẹ, người thân, không có lễ ra mắt của cô dâu, chú rể với họ hàng, bạn bè... thì việc kết hôn của họ dường như không ổn thỏa và êm đẹp. Điều đó có nghĩa, việc tổ chức cưới hỏi đã trở thành một phong tục trong đời sống xã hội của người dân Việt Nam. Chính vì thế, trong số 300 người được khảo sát thì có tới 277 người (92,3%) trả lời họ có tổ chức đám cưới của mình. Tuy nhiên, một nhận định chung là hình thức cưới hỏi đã thay đổi theo chiều hướng đơn giản hơn (theo tiếng vùng nam bộ gọi là “ché”) cả về nghi lễ và đồ sinh lễ.

“Hồi đó phải làm cho đúng lễ mà, bây giờ thấy nghi lễ nó cũng ché nhiều... đơn giản hơn” (PVS, nữ, cán bộ).

“*Phong tục bây giờ cũng giảm bớt rồi, mọi lễ nạp cũng bớt rồi*” (PVS, nữ, nội trợ).

2.1.1. *Thay đổi về nghi lễ*

Theo phong tục cổ truyền của người Việt (người Kinh), việc cưới xin thường được tiến hành với đầy đủ các nghi thức, nghi lễ trang trọng. Như các tác giả Bùi Xuân Mỹ, Phạm Minh Thảo đã nêu trong cuốn “*Tục cưới hỏi ở Việt Nam*” thì đám cưới trước đây thường trải qua sáu bước (lục lễ):

- *Lễ nạp thái*: nhà trai đưa lễ để tỏ ý đã kén chọn cô gái, tục gọi là chạm mặt hay giạm vợ.

- *Lễ vấn danh*: sau khi nhà gái nhận lễ vật, nhà trai tiếp tục nhờ người mai mối hỏi tên, tuổi cô gái để so đôi tuổi xem có hợp nhau không nhằm tránh những điều không hay xảy ra sau này.

- *Lễ nạp cát*: khi so tuổi thấy hợp, nhà trai báo cho nhà gái biết điềm lành để tiếp tục công việc.

- *Lễ nạp tỳ*: nhà trai chuẩn bị sính lễ đem đến nhà gái, biểu lộ mong muốn có cô gái về làm dâu nhà mình.

- *Lễ thỉnh kỳ*: sau khi đã chọn được ngày lành tháng tốt, nhà trai đến nhà gái thông báo và bàn bạc ngày tổ chức đám cưới.

- *Lễ thân nghinh (đón dâu)*: vào ngày hoàng đạo, chú rể trực tiếp tới nhà gái đón dâu.

Tất cả các nghi thức trên phải được thực hiện đầy đủ và tuân tự theo từng bước trong một đám cưới.

Hiện nay các nghi lễ trên đã được bỏ bớt, từ sáu bước chỉ còn ba bước cơ bản:

- *Lễ nạp thái* (tương ứng với *lễ chạm ngõ*)

- *Lễ nạp tỳ* (tương ứng với *lễ ăn hỏi*)

- *Lễ thân nghinh* (tương ứng với *lễ cưới*)

Như vậy, *lễ vấn danh*, *lễ nạp cát* và *lễ thỉnh kỳ* đã được giản lược bớt.

“*Tôi nói chú nghe, ngày trước cưới 5-7 bước, giờ chỉ còn 1-2 thôi. Phong tục bây giờ cũng giảm bớt rồi*” (PVS, nữ, nội trợ).

Mặc dù lễ nạp thái (dạm ngõ) vẫn được giữ nguyên nhưng ý nghĩa của nó đã thay đổi. Ngày trước, lễ nạp thái là thời điểm nhà trai nhờ mai mối tới nhà gái. Người con trai và người con gái chưa hề biết mặt nhau và vai trò của người mai rất quan trọng. Ông bà mai là cầu nối liên lạc giữa hai bên gia đình, là người kết duyên cho người con trai và người con gái và cũng là người có ảnh hưởng lớn tới kết quả của lễ thành hôn. Người làm mai phải là người có tuổi, phải hiểu biết gia cảnh hai bên và nhất là phải biết cách ăn nói. Nếu người làm mai là họ hàng hoặc người thân của bên nhà trai hoặc nhà gái thì việc mối mai càng thêm thuận lợi. Họ làm mai là hoàn toàn tự nguyện, hầu như không nhận lễ vật tạ ơn. Trước đây, nhà trai thường tỏ lòng biết ơn với ông bà mai bằng một cái thú lợn trong lễ nạp thái. Tuy nhiên, nếu hai vợ chồng không sống hạnh phúc với nhau thì người mai mối cũng bị mang tiếng là “không mát tay” và phải chịu nhiều phiền toái.

“Ngày trước thì bà mai thấy cô kia cũng được được rồi nói với cha mẹ đằng trai rồi thì chọn ngày sang nhà gái nói chuyện” (PVS, nữ, công nhân).

Hiện nay, sự chấp nói của ông bà mai không còn phổ biến như trước nữa, người con trai và người con gái tự tìm hiểu và lựa chọn thời gian để hai gia đình gặp nhau. Cha mẹ và họ hàng lúc này chỉ đóng vai trò là người khuyên can hoặc góp ý, còn quyền quyết định cuối cùng thuộc về con cái: “*Bây giờ thì tự nó tìm hiểu nhau, nó ưng nhau thì cha mẹ gả*” (PVS, nữ, công nhân). Và “*sự thay đổi này mới có mấy năm nay*” (PVS, nữ, nội trợ).

2.1.2. Thay đổi về đồ sính lễ

Không chỉ cắt bỏ một số lễ nghi trong thủ tục tổ chức cưới hỏi, ngay cả đồ sính lễ trong lễ hỏi và lễ cưới cũng có sự đơn giản hơn rất nhiều. Sự thay đổi này theo các ý kiến trả lời là “*tiến bộ*” và “*hiện đại*” hơn.

“*Đám cưới ngày trước là đủ lễ, lễ làm dữ lắm... Thì mâm trâu nè, cau nè, trâu, cau rồi nén rồi đèn, tất cả rất nhiều... ờ rồi bắt đầu những vật khác do bên đằng gái quy định... Bây giờ thì nó rất đơn giản*” (PVS, nam, cán bộ).

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự thay đổi này là nhà gái hiểu rõ rằng tục “*thách cưới*” lại chính là gánh nặng cho con mình sau này. Nếu đòi hỏi quá khả năng đáp ứng của nhà trai thì nhà trai sẽ phải đi vay nợ để làm lễ và không ai khác, chính con gái họ sẽ phải làm việc vất vả để trả những món nợ này.

“*ở nhà gái đâu có đòi hỏi, mình đòi hỏi làm chi nhiều nữa thì con mình mản cực khổ chớ làm cái gì. Hồi đó cho dây chuyền người ta nói tao mua cái đó cho tụi bay đó giờ đi mản thì phải trả, con mình nó cực tội nghiệp nó, thôi hông có đòi gì hết*”. (PVS, nữ, đi làm thuê)

Hình thức cưới hỏi đã đơn giản hơn cả về nghi lễ và đồ sính lễ liệu có phải là chuyển biến tích cực của một nét văn hoá truyền thống, hay ẩn đằng sau đó là những hình thức khác chưa được nhìn ra? Đó có thể là sự hứa hẹn giúp đỡ về vật chất, tiền bạc của nhà trai cho cô gái; đó cũng có thể là sự giúp đỡ về việc học hành, sự nghiệp... Tuy nhiên, để có thể đưa ra được những nhận định chính xác cần có những nghiên cứu đi sâu tìm hiểu hơn nữa về khía cạnh này.

2.2. Việc xem tử vi hoặc xem bói trước khi cưới

Việc xem tử vi hoặc xem bói trước khi cưới để xem đôi trai gái có hợp nhau không là một tập quán lâu đời. Trước đây công việc này mang ý nghĩa rất quan trọng, thậm chí quyết định việc đi đến kết hôn hay không của đôi trai gái. Công việc này được thực hiện trong lễ vấn danh. Đối với người Kinh ở miền Nam việc xem tuổi do nhà trai thực hiện, còn người Kinh ở miền Bắc thì cả nhà gái cũng có thể đi xem. Sau lễ nạp thái ít ngày, nhà trai nhờ người mai mối tới xin tuổi cô gái để đến thầy bói, thầy mo hay một người có uy tín, biết cách xem tướng số trong vùng xem hai tuổi có hợp nhau không. Nếu hai tuổi hợp thì nhà trai sẽ tiến hành các bước tiếp theo trong lễ cưới. Nếu không hợp thì nhà trai sẽ thông báo lại nhà gái và xin từ hôn. Trong trường hợp này, nhà gái cũng hoàn toàn thông cảm và chấp thuận như một lẽ tự nhiên.

Hiện nay lễ vấn danh đã không còn, vai trò của người mai mối cũng không còn quan trọng như trước nữa, người con trai và người con gái đã có quyền quyết định hơn trong hôn nhân của mình thì việc so tuổi có còn tồn tại? Trong trường hợp hai tuổi không hợp nhau thì họ lựa chọn cách giải quyết như thế nào?

Kết quả nghiên cứu cho biết 75,3% (226 người) trả lời bản thân hoặc gia đình hai bên có đi xem tử vi hoặc xem bói để biết hai người lấy nhau có hợp tuổi hay không. Tỷ lệ nữ trả lời có cao hơn nam: 77,3% so với 73,3%.

Thời gian kết hôn càng gần đây thì tỷ lệ đi xem bói càng nhiều. Thời gian kết hôn được chia làm bốn khoảng: trước 1976, từ 1976 - 1986, từ 1987 - 1996 và sau 1996. Tỷ lệ đi xem tử vi/xem bói tương ứng với bốn giai đoạn này là 66,7%; 67,7%; 83,1% và 88,7%. Như vậy, mặc dù lễ vấn danh không còn là một nghi thức nhưng tâm lý, thói quen xem tuổi để tránh những điều không hay vẫn còn hiện hữu. Điều này có nghĩa việc đi xem tử vi/xem bói không được công khai như trước nhưng trên thực tế nó vẫn là một bước không thể thiếu khi tổ chức cưới hỏi.

“Đi coi xem hai bên có kỵ nhau không, có hợp không, có khắc gì không [...] đó là phong tục từ xưa đến giờ thì mình cũng theo ông bà, mình xem như vậy để hợp thì vui vẻ thuận trên, thuận dưới vậy thôi” (PVS, nữ, buôn bán).

Họ tin rằng nếu tuổi hợp nhau thì đôi vợ chồng trẻ sẽ sống hoà thuận, ăn nên làm ra, nếu không hợp tuổi thì sẽ phải sống vất vả hoặc một người phải sang thế giới bên kia, hoặc có biết bao điều đau khổ khác đe dọa tương lai của đôi vợ chồng ấy. Và để cầu bình an cho đôi vợ chồng trẻ thì đám cưới luôn được tổ chức vào các ngày có liên quan đến số 9 như ngày mùng 9, 19, 29 và vào ba tháng được coi là tốt nhất trong năm là tháng ba, tháng tư và tháng mười một. Các ngày liên quan đến số 9 được người dân ở đây coi là ngày bình an.

Một yếu tố khác cũng ảnh hưởng tới việc xem tử vi hay so tuổi của đôi bạn trẻ trước khi cưới đó là họ đã chứng kiến trong cuộc sống ngày nay các mâu thuẫn, xung đột xảy ra trong rất nhiều cặp vợ chồng và dẫn tới ly hôn. Lý do xung khắc về tuổi hay không hợp mệnh được xem là một trong những nguyên nhân dẫn tới bất hạnh này (mặc dù điều này là một cách lý giải hoàn toàn không có cơ sở khoa học). Chính vì lẽ đó việc xem tuổi được coi như yếu tố tâm lý giúp con người vững tin hơn với hy vọng về một cuộc hôn nhân tốt đẹp.

Tuy nhiên, nếu so tuổi không hợp nhau thì họ vẫn tổ chức đám cưới và tìm cách thay đổi

hình thức đón dâu với hi vọng sẽ tránh được những điều xấu về sau, ví dụ: đón dâu vào từ cổng sau hoặc cô dâu và chú rể không được về cùng nhau..

“Thì vẫn cưới, nhưng phải đi cổng sau vào (cười)... Không làm lễ rước dâu thôi. Xuất phát từ nhà chú rể là phải đi cổng sau xong vòng ra đằng trước” (PVS, nam, nông dân)

Kết quả này cũng phù hợp với kết quả của một nghiên cứu trước khi hỏi về cách giải quyết khi so tuổi không hợp: 47,3% trả lời “tìm cách khắc phục cho thích hợp”; 45,4% cho là “không quan trọng” và chỉ có 7,3% “kiên quyết không cho đôi trẻ lấy nhau” (Lê Ngọc Văn (chủ biên), 2000). Điều này chứng tỏ yếu tố tình yêu trong hôn nhân ngày càng được trân trọng và điều quan trọng là các bạn trẻ ngày nay đã không cam chịu để số phận quyết định như trước đây nữa.

Việc đi xem tử vi/xem bói trước khi cưới là nhu cầu tâm lý, thói quen chưa được thay đổi trong suy nghĩ của người dân Phước Thạnh. Đây là điểm cần chú ý trong việc tuyên truyền chống mê tín dị đoan trong nếp sống của người dân. Những xung đột hay tan vỡ trong hôn nhân là xuất phát từ chính sự lựa chọn cách hành động, ứng xử của những người trong cuộc, là do những ảnh hưởng, tác động của biến đổi xã hội chứ không phải do tuổi hay mệnh. Phải hiểu được điều này thì mỗi thành viên trong gia đình sẽ có trách nhiệm hơn trong việc giữ gìn sự bền vững của gia đình và tập quán so tuổi trước khi cưới sẽ dần trở thành những câu chuyện có tính giải trí nhiều hơn là cơ sở của niềm tin.

2.3. Việc đăng ký kết hôn trước đám cưới

Đăng ký kết hôn là việc đôi nam nữ xác lập quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật. Khác với việc tổ chức đám cưới là hình thức công khai hoá, hợp thức hoá rộng rãi sự chung sống chính thức của đôi nam nữ trước họ hàng và những người xung quanh, việc đăng ký kết hôn lại là sự chính thức hoá quan hệ vợ chồng trước pháp luật.

Tìm hiểu thực tế hôn nhân theo quy định pháp lý đối với người dân xã Phước Thạnh cho thấy: đại đa số người tham gia trả lời (99,3%) đều không đăng ký kết hôn trước khi tổ chức đám cưới. Với những trường hợp kết hôn trước 1976, việc không đăng ký kết hôn trước đám cưới là điều dễ hiểu vì khi đó Luật Hôn nhân và Gia đình chưa áp dụng cho miền Nam. Thêm vào đó là yếu tố chiến tranh nên việc tổ chức đám cưới còn gặp nhiều khó khăn và việc đăng ký kết hôn cũng không được thực hiện đầy đủ.

“Đâu có đăng ký kết hôn, hồi đó đơn vị công nhận rồi bên gia đình công nhận là rể. Chiến tranh nên đâu để ý đến đăng ký” (PVS, nam, cán bộ).

Với những trường hợp kết hôn sau 1976, tại sao việc đăng ký kết hôn trước đám cưới vẫn không được coi trọng? Điều này có thể giải thích bởi hai yếu tố. Yếu tố thứ nhất là do tảo hôn. Họ chỉ đăng ký kết hôn khi đã đủ tuổi trước pháp luật hoặc khi con cái cần đến giấy khai sinh.

“Không đủ tuổi chúng nó vẫn cưới. ở đây đâu có phạt được, chưa có quy định phạt mà chỉ có kết hôn không được thôi chứ chưa có quy định phạt, rồi bắt đầu nó có con rồi về hôm sau nó kết hôn, vậy đó” (PVS, nam, cán bộ).

Yếu tố thứ hai giải thích cho tỷ lệ cao của việc không đăng ký kết hôn trước đám cưới là tâm lý coi trọng nghi thức phong tục hơn nghi thức pháp lý của người dân Phước Thạnh. Người

dân ở đây vẫn đề cao việc tổ chức đám cưới hơn là việc đăng ký kết hôn. Với họ, sự thừa nhận quan hệ hôn nhân của cộng đồng làng xã, họ hàng sẽ cần thiết và có ý nghĩa hơn sự thừa nhận của chính quyền nhà nước. Dù có đăng ký mà không cưới xin thì cộng đồng cũng không công nhận. Nhưng có cưới xin mà không đăng ký thì cộng đồng vẫn công nhận. Điều này giải thích tại sao 97,3% không đăng ký kết hôn nhưng 92,3% lại có tổ chức đám cưới của mình.

2.4. Quy mô tổ chức đám cưới

Ngày trước, cỗ cưới chỉ đơn thuần mang ý nghĩa thực hiện các thủ tục nghi lễ truyền thống. Những gia đình nghèo thì làm ít mâm cỗ để cúng tổ tiên và mời những người thân quen nhất đến chia vui. Những gia đình trung bình hoặc khá hơn thì cũng làm khoảng hơn chục mâm cỗ để thết đãi họ hàng và hàng xóm xung quanh: *“Làm có ít mâm thôi à, nghèo đâu có làm lớn, hỏi đó nghèo lắm”* (PVS, nữ, người cao tuổi).

Đến nay, cỗ cưới đã lớn hơn về số lượng và tăng hơn về chất lượng. Không còn khoảng trên dưới 10 mâm cỗ nữa mà thay vào đó ít nhất là 30 mâm, trung bình là 40 mâm. Không như ở ngoài Bắc 1 mâm cỗ tương ứng với 6 người, trong Nam 1 mâm cỗ tương ứng với 10 người. Điều đó có nghĩa số lượng khách mời trung bình trong đám cưới tăng ít nhất gấp 3, 4 lần so với trước đây: từ 100 người lên 300 - 400 người một đám. Về chất lượng cỗ cưới cũng được đầu tư hơn và tăng lên theo chất lượng cuộc sống hiện nay: *“Tôi trung bình cũng 40 mâm [...] Các món thì đầy đủ cả. Trên thị trường có những loại gì thì người ta làm, tùm lum vậy đó không có ước được, gà, vịt chiên, bò...”* (PVS, nam, cán bộ).

Sự gia tăng số lượng khách mời và đầu tư hơn về chất lượng cỗ cưới, một phần là do mức sống gia đình tăng cao, có điều kiện và phương tiện vật chất để tổ chức cỗ bàn đàng hoàng hơn, sang trọng hơn, phần khác là do mức độ mở rộng mối quan hệ xã hội của các thành viên trong gia đình ngày càng lớn hơn trước. Tuy nhiên ẩn đằng sau tất cả những biểu hiện này là một số vấn đề xã hội cần phải được bóc tách. Đó chính là quan niệm “phú quý sinh lễ nghĩa”, là suy nghĩ “con gà tức nhau tiếng gáy” và là mục đích kinh tế thông qua đám cưới.

Thực tế cho thấy, tâm lý của một bộ phận người dân xã Phước Thạnh cho rằng cỗ cưới hiện nay không chỉ là một phần của nghi lễ cưới hỏi mà nó còn là biểu hiện cho thể diện của gia đình, dòng họ. Càng có khả năng, họ càng chuẩn bị cỗ cưới đầy đủ và thịnh soạn. Những trường hợp này chủ yếu rơi vào những người có tiền, có địa vị trong xã hội *“Thì mình cũng phải làm thế vì người ra nói mình giàu [...] thằng con trai thứ hai tôi còn làm 60 mâm cơ, riêng cơ quan nó đã ba bốn chục người rồi”* (PVS, nam, cán bộ). Điều đáng chú ý ở đây là kiểu cưới nhà giàu này đã tạo nên tư tưởng ganh đua, chơi trội, tạo nên suy nghĩ cưới phải ăn to mới sang, nếu cỗ cưới mà ít hơn gia đình khác thì sẽ bị mọi người xung quanh đánh giá và thậm chí là *“ché bai, khinh rẻ”*. Ngay cả một số gia đình có hoàn cảnh khó khăn cũng giữ suy nghĩ này. Họ thậm chí chấp nhận đi vay tiền để chuẩn bị cỗ cưới cho đầy đủ bằng người.

“Hồi xưa thì làm đám cưới giản dị và đơn sơ hơn còn bây giờ cầu kỳ với lại hay đua với nhau về mọi mặt. Đám cưới đó 5 bịch thóc thì đám cưới này phải hơn 5 bịch thóc để cho bằng thiên hạ [...] Còn thiếu thốn lắm nhưng người ta vẫn làm, vẫn cố gắng làm thì sau đó vấn đề trả nợ là gánh nặng của gia đình...Người ta sợ làm thua thì bà con chòm xóm khinh rẻ” (PVS, nữ, nội trợ).

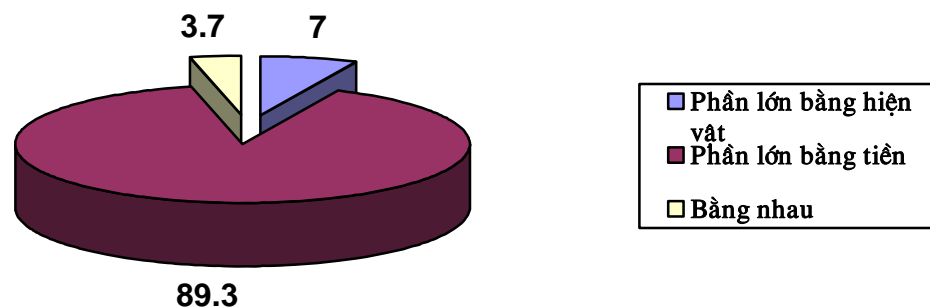
Với những gia đình khá giả hoặc gia đình có quan hệ xã hội rộng, việc tổ chức đám cưới lớn ngoài mục đích khẳng định vị thế, thể diện của gia đình, dòng họ còn vì một yếu tố nữa: mục đích làm kinh tế. Do cỗ cưới là hình thức thết đãi khách mời tới dự và khách mời chúc mừng lại hạnh phúc của cô dâu chú rể bằng một món quà nên yếu tố kinh tế cũng hiện hữu trong quá trình này: “Người ta là ông này ông nọ người ta làm mời cơ quan rõ ràng là làm kinh tế chứ đâu phải là tình cảm. Người đi đông mà mừng thì mấy trăm ngàn [...] phải 500 ngàn” (PVS, nam, nông dân). Tuy nhiên, số lượng gia đình làm cỗ cưới vì mục đích kinh tế chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ. ở Phước Thạnh, phổ biến vẫn là hiện tượng “trả nợ miệng” - hiểu theo nghĩa trước đây họ đã mời mình hoặc đã đến dự đám cưới nhà mình thì đến khi nhà có đám cũng phải mời lại họ hoặc phải đến dự đám cưới nhà họ. Thông thường, các đám cưới ở đây chi hết khoảng từ 15 đến 20 triệu. Nếu không khéo tính toán thì có thể lỗ vì mức tiền mừng chủ yếu là 50.000, chỉ những người thân quen mới mừng từ 100.000 trở lên. Thêm vào đó là tâm lý “mừng một chục cũng phải ăn một chục”: “Có những đám thịt 3, 4 con lợn không khéo thì lại lỗ vì đám cưới ở đây thường người ta đi khoảng 50 ngàn [...] Họ cũng tính hết rồi. Như giả nợ thôi. Mình mừng họ một thì họ mừng lại một chứ không ai mừng hơn nhiều đâu” (PVS, nam, nông dân).

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định một điều quy mô đám cưới hiện nay được tổ chức lớn hơn trước rất nhiều. Những biểu hiện của việc thương mại hoá lễ cưới chưa hiện hữu một cách rõ ràng nhưng không phải là không có. Những biểu hiện phô trương hình thức thông qua đám cưới cũng cần phải được xem xét không chỉ từ khía cạnh kinh tế mà còn phải được nhìn nhận một cách nghiêm túc từ khía cạnh văn hoá.

2.5. Quà mừng trong đám cưới

Trong đám cưới, khách mời đến tham dự thường đem theo một món quà mang ý nghĩa chia sẻ niềm vui và mừng cho hạnh phúc của đôi vợ chồng trẻ. Món quà này có thể là hiện vật hoặc tiền. Đây là một phong tục lâu đời của người Việt và ẩn trong đó những giá trị văn hoá rất đặc trưng. Trong số 270 người nhận được đồ mừng cưới thì có tới 89,3% người được nhận quà mừng phần lớn bằng tiền, chỉ 7,0% nhận được quà mừng phần lớn bằng hiện vật (Biểu 1)

Biểu 1. Đồ mừng của khách khi đến đám cưới



Kết quả khảo sát định tính cũng cho thấy điều đó.

“Đây nói chung tiền là chính, không có mang đồ đạc kông kênh lại tặng [...]. Nó cũng là

phù hợp thôi vì kinh tế bây giờ chủ yếu là tiền, nếu mà mình tặng cái vật gì đó mang ý nghĩa lưu niệm nhưng họ đâu có xài thì cái giá trị của nó cũng không bằng tiền". (PVS, nam, nông dân)

Thực tế, quà mừng cưới bằng tiền ngày càng phổ biến theo sự phát triển của thời gian, trong khi quà mừng bằng hiện vật lại có xu hướng giảm đi. Có thể thấy rõ điều này qua bảng 1 dưới đây.

Bảng1: Đồ mừng cưới của khách chia theo thời gian tổ chức đám cưới

Đồ mừng của khách	Thời gian tổ chức đám cưới							
	Trước 1976		1976-1986		1987-1996		Sau 1996	
	N	%	N	%	N	%	N	%
Phần lớn là hiện vật	4	8,2	8	8,7	4	4,8	3	6,0
Phần lớn là tiền	38	77,6	79	85,9	75	89,3	47	94,0
Bằng nhau	5	10,2	4	4,3	1	1,2	0	0
Không đồ mừng	2	4,1	1	1,1	2	2,4	0	0
Không nhớ	0	0	0	0,0	2	2,4	0	0
Tổng	49	100	92	100	84	100	50	100

Bảng 1 cho thấy, những đám cưới tổ chức trong thời gian càng gần đây, xu hướng nhận được tiền mừng càng phổ biến: từ 77,6% trước 1976 tăng lên 85,9% những năm 1976-1986, 89,3% những năm 1987-1996 và lên 94% sau 1996.

Về giá trị của tiền mừng, tùy theo điều kiện của từng người khách và tùy theo mối thân tình đối với gia chủ mà mừng nhiều hay ít. Thông thường, ở khu vực nông thôn hiện nay, quà mừng cưới bằng tiền đối với người thân quen trung bình là từ 100 nghìn trở lên, còn đối với những người không thân quen là 50 nghìn một đám cưới. Với những gia đình nghèo thì ít hơn: nhiều là 40 nghìn còn thông thường là 20 nghìn. Tuy nhiên, nhiều ý kiến than phiền rằng phải dành một phần không nhỏ trong quỹ thu chi của gia đình để đi mừng cưới, nhất là đối với những trường hợp không có mối quan hệ thân thiết nhưng vẫn phải đi vì được mời. Chỉ với một số trường hợp hãn hữu có thể không nhất thiết phải đến dự thì họ sẽ viện lý do là bị ốm, đi công tác xa hoặc nhà có việc bận đột xuất. Dù nhận rõ được tính phiền phức trong vấn đề này nhưng các ý kiến cũng cho rằng rất khó loại bỏ vì đó là tập tục lâu đời của người Việt, nhất là tâm lý “đời người chỉ có một lần”. Nếu không đi dự sẽ bị chê trách hoặc bị mang tiếng là người keo kiệt.

“Khổ thì khổ chớ đã đi thì phải theo thời, gắng chạy mà đi. Đám ma người ta đi ba chục thì mình cũng cố chạy ba chục, đám cưới người ta đi bốn chục mình cũng phải ráng bốn chục. Mình sống không muốn người ta kêu người ta không mời à, cái gì chứ cái đó phải ráng đi”. (PVS, nữ, nông dân)

Tuy vậy, khi đánh giá về giá trị của quà mừng trong đám cưới có đủ trang trải mọi chi phí cho đám cưới không thì kết quả nghiên cứu cho thấy: trong số 256 người có 24 người (9,3%) cho là rất ít, 82 người (32%) cho là một phần, 132 người (51,7%) cho là hoàn toàn. Rất ít người nhận được quà mừng nhiều hơn so với chi phí đám cưới: 18 người (7,0%). Cũng theo các ý kiến, nếu chỉ tính tổng giá trị quà mừng cho riêng việc tổ chức ăn uống thì hoàn toàn có thể trang trải được. Do phải chi khá nhiều cho những công việc khác để phục vụ cho đám cưới như thuê phòng bạt,

bàn ghế, loa đài, xe đón dâu... nên chi phí thường cao hơn so với giá trị quà mừng, ngoại trừ một số gia đình có có địa vị xã hội cao, mối quan hệ rộng mà những người đến dự coi đó là cơ hội để tìm con đường thăng quan tiến chức.

2.6. Cửa hồi môn của cô dâu và chú rể

Theo phong tục truyền thống, khi lập gia đình, con cái thường được cha mẹ trao của hồi môn như là một chút tài sản để làm vốn liếng cho cuộc sống gia đình mới. Cửa hồi môn thường là tiền, vàng, nhà, đất, gia súc, hoặc các vật dụng trong gia đình. Tuy nhiên, khi mà tục thách cưới đã giảm đi và các yếu tố văn hoá xã hội đã thay đổi thì của hồi môn cũng thay đổi, tùy thuộc vào hoàn cảnh gia đình và tình cảm cha mẹ dành cho cô dâu và chú rể.

Kết quả khảo sát cho thấy: khi lập gia đình, người con trai được gia đình cho tài sản nhiều hơn người con gái. Cụ thể, 72,8% người trả lời cho rằng gia đình có tài sản cho chú rể, trong khi đó tỷ lệ cho rằng gia đình có của hồi môn cho cô dâu chỉ chiếm 36,1%. Điều này có thể xuất phát từ tư tưởng trọng nam khinh nữ bởi lẽ theo quan niệm xưa, người con gái khi lập gia đình thường bị coi là người ngoài, không còn là người trong gia đình nữa, trong khi con trai lập gia đình vẫn là người trong nhà.

Thực tế, của hồi môn cho cô dâu chủ yếu là vàng (67,0%), cụ thể là đôi bông tai hoặc nhẫn, kiềng, dây chuyền. 25,7% cô dâu được cha mẹ cho đất và 22,9% cho tiền khi đi lấy chồng. Chỉ một số ít cô dâu được cha mẹ cho vật dụng gia đình (4,6%) và cho nhà (0,9%) làm của hồi môn.

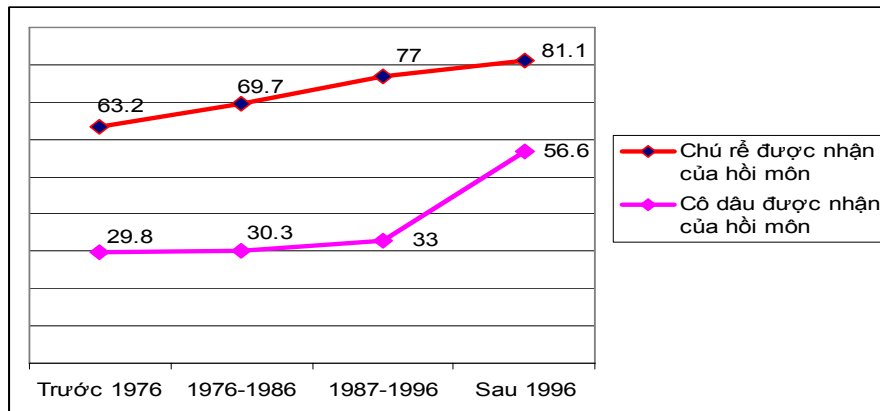
Cho cô dâu một đôi bông tai vừa để làm của hồi môn vừa là đồ trang sức kỷ niệm là một nét truyền thống có từ trước và hiện nay vẫn được gìn giữ, thậm chí không chỉ cha mẹ đẻ của cô dâu mà cả cha mẹ chồng khi đón nhận con dâu về cũng trao cho đôi bông hoặc chiếc nhẫn làm vật kỷ niệm.

“Bây giờ giàu thì nhà trai cho cô dâu bông, tiền, lắc nhẫn vậy đó [...] ngày trước thì đặc biệt phải có đôi bông”. (PVS, nữ, buôn bán).

Cũng giống như cô dâu, chú rể thường được gia đình cho vàng làm tài sản khi lập gia đình (76,7%), tiếp đến là đất đai (53,4%). 16% chú rể được gia đình cho tiền, 6,8% cho vật dụng gia đình và 0,5% cho gia súc.

Tỷ lệ được nhận đất ở chú rể cao gần gấp đôi tỷ lệ được nhận đất ở cô dâu: 53,4% so với 25,7% và tỷ lệ được nhận nhà ở chú rể cao gấp 8 lần so với cô dâu: 8,7% so với 0,9%. Việc cho con trai tài sản đất đai và nhà ở là khá quan trọng vì đối với người con trai, đất đai có thể là để xây nhà lập nghiệp hoặc để lao động sản xuất chăm lo cho cuộc sống lâu dài. Người con trai khi đã lập gia đình với tư cách là trụ cột thì những điều đó là thật cần thiết.

Thời gian tổ chức đám cưới càng gần đây thì tỷ lệ cô dâu và chú rể được nhận của hồi môn càng cao. Chú rể được nhận của hồi môn khi tổ chức đám cưới trước 1976 là 63,2%, từ 1976-1986 là 69,7%, từ 1987-1996 là 77% và sau 1996 là 81,1%. Tỷ lệ được nhận của hồi môn của cô dâu với khoảng năm tương ứng là 29,8%; 30,3%; 33% và 56,6%. Tuy nhiên, số liệu cũng cho chúng ta thấy rằng dù tỷ lệ được nhận của hồi môn của cô dâu và chú rể cùng tăng nhưng tỷ lệ được nhận của hồi môn của chú rể luôn luôn ở mức độ gần gấp đôi tỷ lệ của cô dâu (Biểu 2).

Biểu 2: Chú rể và cô dâu được nhận của hồi môn chia theo thời gian kết hôn (%)

Đứng từ góc độ kinh tế, việc nâng cao mức sống và chất lượng sống của các gia đình là một trong những lý do để cha mẹ có điều kiện chăm lo và chia tài sản khi con cái lập gia đình. Thêm vào đó là sự giảm bớt số con. Trước đây gia đình thường đông con cái nên sự phân chia tài sản cũng bị hạn chế. Khi có ít con thì cha mẹ cũng dễ dàng hơn trong việc xác định chia của hồi môn. Tỷ lệ cô dâu được nhận của hồi môn tăng theo thời gian đám cưới gần đây có thể lý giải từ tư tưởng “trọng nam khinh nữ” đã không còn nặng nề như trước. Thay vào đó là suy nghĩ “con nào cũng là con” nên khi con gái lập gia đình, cha mẹ cũng phân chia tài sản như là “vốn ban đầu” để con bắt đầu cuộc sống mới.

3. Kết luận

Qua kết quả khảo sát tại xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, Tiền Giang, có thể thấy đôi nét về sự biến đổi phong tục cưới hỏi ở nông thôn miền Nam Việt Nam nói chung và của người dân nơi đây nói riêng.

Nếu như trước đây, ở thời kỳ phong kiến, hình thức tổ chức cưới hỏi đòi hỏi nhiều nghi lễ rườm rà, phức tạp và phải tuân thủ theo sáu bước (lục lễ) là: lễ nạp thái, lễ vấn danh, lễ nạp cát, lễ nạp tỳ, lễ thỉnh kỳ và lễ nghinh thân, thì từ sau đổi mới, các nghi lễ này đã được giản lược bớt xuống còn ba bước (tam lễ) là: lễ chạm ngõ, lễ ăn hỏi và lễ cưới. Bên cạnh đó, đồ sính lễ cũng trở nên đơn giản, gọn nhẹ hơn, và tục “thách cưới” của nhà gái cũng không nặng nề như trước kia mà tùy thuộc vào hoàn cảnh kinh tế của nhà trai.

Tuy các nghi thức trong đám cưới đã được giản lược bớt song các nghi thức cụ thể khác trong một đám cưới lại trở nên sâu sắc hơn và được đề cao hơn. Quy mô tổ chức cưới hỏi thông qua việc tổ chức cỗ cưới ngày càng to lớn hơn, sang trọng hơn. Tục xem tuổi trước khi kết hôn vẫn còn mang ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống hiện nay. Quà mừng trong đám cưới cũng ngày càng được đề cao hơn và có giá trị hơn. Theo thời gian, quà mừng đám cưới có thể trang trải hoàn toàn, thậm chí nhiều hơn chi phí tổ chức đám cưới. Tỷ lệ cô dâu và chú rể được nhận của hồi môn sau đám cưới cũng ngày càng nhiều hơn và kết quả này có thể xuất phát từ yếu tố kinh tế và yếu tố nhận thức.

Tuy nhiên, dù phong tục cưới hỏi hiện nay đã có sự thay đổi như thế nào thì vẫn cần khẳng định một điều rằng: những nét phong tục cổ truyền mang đậm giá trị văn hoá sâu sắc cần

phải được gìn giữ. Và sự biến đổi của phong tục cưới hỏi theo hướng tiến bộ hơn sẽ làm cho tục cưới hỏi ở Việt Nam vừa có sự phát triển cho phù hợp với thời kỳ mới, vừa kế thừa những bản sắc văn hoá của dân tộc.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Xuân Mỹ, Phạm Minh Thảo, *Tục cưới gả ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin, 2003.
2. Lê Ngọc Văn: *Cưới và dư luận xã hội về cưới hiện nay*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2000.